

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST – DS ngày 01/10/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thỏa thuận xác định ranh giới sử dụng đất giữa thửa đất số 134, tờ bản đồ số 88 thị trấn P thuộc quyền sử dụng của bà Hoàng Thị N với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 88

thị trấn P thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 theo đường A-B được thể hiện tại Sơ đồ kèm theo Biên bản hòa giải thành do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đo vẽ ngày 21/01/2025 có tọa độ cụ thể như sau: điểm A có tọa độ (X= 1946809.308; Y= 530773.972); điểm B có tọa độ (X= 1946829.973; Y= 530769.959).

- Đối với các phần diện tích nằm ngoài ranh giới theo Bản đồ địa chính được xác định tại Sơ đồ, các bên đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

- Bà Hoàng Thị N, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, đăng ký biến động, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất đang quản lý sử dụng trên cơ sở ranh giới giữa hai thửa đất đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật về đất đai.

(Từ cận, ranh giới, mốc giới, kích thước các cạnh thửa cụ thể của thửa đất số 134 và thửa đất số 135 cùng tờ bản đồ số 88 thị trấn P được thể hiện tại Sơ đồ kèm theo Quyết định này và Sơ đồ là một bộ phận không thể tách rời của quyết định).

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Các đương sự đều thuộc đối tượng người cao tuổi nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi bên phải nộp 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Hoàng Thị N đã nộp đủ số tiền tạm ứng 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), nên buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Hoàng Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản tiền.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án không tự nguyện thi hành án thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành án thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án sẽ được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Bồ Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÂM PHÁN

Lê Quang Minh